

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 363 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 07 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm 2021.

Kỳ báo cáo: tháng 9 năm 2021

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công;

UBND tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công tháng 9 năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

1. Thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm (kèm theo phụ lục):

Tổng số vốn được giao trong năm kế hoạch: 5.428.584 triệu đồng, trong đó:

- Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định: 229.645 triệu đồng (tăng 8.061 triệu đồng theo chấp thuận của UBND tỉnh tại Công văn số 5179/VP-KT ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang).

- Vốn kế hoạch năm: 5.198.939 triệu đồng (trong đó số đã phân bổ chi tiết là 5.156.939 triệu đồng).

Lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề: 1.746.072 triệu đồng, đạt 32,16% so với kế hoạch giao, trong đó:

- Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 69.566 triệu đồng, đạt 30,29% kế hoạch giao;

- Thanh toán vốn kế hoạch năm là: 1.676.506 triệu đồng, đạt 32,25% kế hoạch giao.



Ước lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng báo cáo: 2.119.930 triệu đồng, đạt 39,05% so với kế hoạch giao, trong đó:

- Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 100.724 triệu đồng, đạt 43,86% kế hoạch giao;
- Thanh toán vốn kế hoạch năm là: 2.019.206 triệu đồng, đạt 38,84% kế hoạch giao.

2. Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước (nếu có) và kết quả thực hiện vốn ứng trước chưa thu hồi: không.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công đến tháng 9 năm 2021 đạt 32,16%, đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân chậm thực hiện và thanh toán vốn kế hoạch năm:

- Tác động của dịch bệnh COVID-19 kéo dài, việc thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh làm ảnh hưởng đến công tác triển khai và thực hiện thi công các công trình làm chậm tiến độ thực hiện công trình.

- Biến động về giá vật liệu vật liệu, đặc biệt là giá thép ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của một số sở, ngành và chủ đầu tư chưa quyết liệt, chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, công tác lựa chọn nhà thầu, giải phóng mặt bằng còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

III. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và cũng đã ban hành Công văn số 612/UBND-KT ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và vốn kéo dài để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đầu tư công của tỉnh năm 2021.

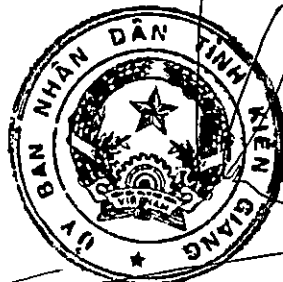
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị Bộ, ngành Trung ương tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện bố trí đủ vốn cho địa phương đối với nguồn vốn Trung ương giai đoạn năm 2021-2025.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 (tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2021) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2021 - THÁNG 09

(Kèm theo Báo cáo số **363** /BC-UBND ngày **07** tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo		
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó	
				Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
1	2	3=4+5	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
	TỔNG SỐ	5.428.584	229.645	5.198.939	5.156.939	1.746.072	69.566	51.215	18.351	1.676.506	1.016.008	660.498	2.119.930	100.724	2.019.206
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	5.428.584	229.645	5.198.939	5.156.939	1.746.072	69.566	51.215	18.351	1.676.506	1.016.008	660.498	2.119.930	100.724	2.019.206
	Vốn trong nước	5.162.177	178.527	4.983.650	4.941.650	1.633.416	64.442	46.281	18.161	1.568.974	933.661	635.313	1.952.430	92.987	1.859.443
	Vốn nước ngoài, trong đó:	516.814	43.118	215.289	215.289	112.656	5.124	4.934	190	107.532	82.347	25.185	167.158	7.395	159.763
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	479.576	24.499	215.289	215.289	107.532	0	0	0	107.532	82.347	25.185	159.763	0	159.763
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	37.238	18.619	0	0	5.124	5.124	4.934	190	0	0	0	7.395	7.395	0
B.1	Vốn NSNN	5.428.584	229.645	5.198.939	5.156.939	1.746.072	69.566	51.215	18.351	1.676.506	1.016.008	660.498	2.119.930	100.724	2.019.206
	Vốn trong nước	5.162.177	178.527	4.983.650	4.941.650	1.633.416	64.442	46.281	18.161	1.568.974	933.661	635.313	1.952.430	92.987	1.859.443
	Vốn nước ngoài, trong đó:	516.814	43.118	215.289	215.289	112.656	5.124	4.934	190	107.532	82.347	25.185	167.158	7.395	159.763
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	479.576	24.499	215.289	215.289	107.532	0	0	0	107.532	82.347	25.185	159.763	0	159.763
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	37.238	18.619	0	0	5.124	5.124	4.934	190	0	0	0	7.395	7.395	0
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương	4.105.797	127.407	3.978.390	3.966.390	1.314.554	49.237	37.664	11.573	1.265.317	810.566	454.751	1.508.878	71.032	1.437.846
2	Vốn ngân sách trung ương:	1.322.787	102.238	1.220.549	1.190.549	431.518	20.329	13.551	6.778	411.189	205.442	205.747	611.052	29.692	581.360
	Vốn trong nước	1.056.380	51.120	1.005.260	975.260	318.862	15.205	8.617	6.588	303.657	123.095	180.562	443.552	21.955	421.597
	Vốn nước ngoài, trong đó:	258.407	43.118	215.289	215.289	112.656	5.124	4.934	190	107.532	82.347	25.185	167.158	7.395	159.763
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	239.788	24.499	215.289	215.289	107.532	0	0	0	107.532	82.347	25.185	159.763	0	159.763
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	18.619	18.619	0	0	5.124	5.124	4.934	190	0	0	0	7.395	7.395	0
2.1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.287.383	66.834	1.220.549	1.190.549	422.668	11.479	4.934	6.545	411.189	205.442	205.747	598.627	17.267	581.360
	Vốn trong nước	1.028.976	23.716	1.005.260	975.260	310.012	6.355		6.355	303.657	123.095	180.562	431.469	9.872	421.597
	Vốn nước ngoài, trong đó:	258.407	43.118	215.289	215.289	112.656	5.124	4.934	190	107.532	82.347	25.185	167.158	7.395	159.763
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	239.788	24.499	215.289	215.289	107.532	0	0	0	107.532	82.347	25.185	159.763	0	159.763
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	18.619	18.619			5.124	5.124	4.934	190	0			7.395	7.395	0
2.2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	27.404	27.404	0	0	8.850	8.850	8.617	233	0	0	0	12.083	12.083	0
	Vốn trong nước	27.404	27.404			8.850	8.850	8.617	233	0			12.083	12.083	
	Vốn nước ngoài, trong đó:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	0				0	0			0			0	0	
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	0				0	0			0			0	0	
2.3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao	8.000	8.000			0	0			0			342	342	0
B.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định	0				0	0			0			0		